

Bản án số: 41/2017/HSST
Ngày 19/6/2017

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Nguyên và ông Đào Ngọc Khải.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn, cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Chuyên và ông Đào Đức Thông, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2017. Tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 10/2017/HSST ngày 10 tháng 3 năm 2017 đối với bị cáo:

Vũ Xuân Q, Sinh năm: 1955; Nơi đăng ký HKTT: Đội 1, thôn A Ch 2, xã L Ph, thành phố HY, tỉnh Hưng Yên; Chức vụ: Nguyên Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã L Ph; Trình độ văn hóa: 10/10; Con ông Vũ Phúc T và bà Vũ Thị Ng (đều đã chết); Có vợ là Hoàng Thị M; Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1979, con nhỏ nhất sinh năm 1981; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 24/7/2015, bị TAND tỉnh Hưng Yên xét xử, tuyên phạt 01 năm tù giam về tội Đánh bạc; Ngày 30/9/2016, bị TAND tỉnh Hưng Yên xét xử, tuyên phạt 01 năm 03 tháng tù giam về tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/6/2017 tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Hưng Yên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Bùi Đình Sơn - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Phúc Sơn, Đoàn luật sư tỉnh Hưng Yên (có mặt).

* *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- UBND xã L Ph, thành phố HY. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Quang T, chức vụ: Chủ tịch UBND xã L Ph (có mặt).

- Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1955. Trú tại: Thôn A Ch 2, xã L Ph, thành phố HY, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

- Anh Vũ Xuân L, sinh năm 1979. Trú tại: thôn A Ch 2, xã L Ph, thành phố HY, tỉnh Hưng Yên (có mặt).

- Ông Đào Thu Th, sinh năm 1965 (có mặt) và bà Tạ Thị H, sinh năm 1976 (vắng mặt). Đều trú tại: Số 27, đường Hoàng Văn Th, phường Q Trung, thành phố HY.

* *Những người làm chứng:*

- Anh Hà Minh T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn A Ch 1, xã L Ph, thành phố HY, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).
- Ông Đoàn Mạnh Tr, sinh năm 1954. Địa chỉ: Thôn Tr D, xã H Tr, huyện TL, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).
- Ông Vũ Công T, sinh năm 1948. Địa chỉ: Thôn LD, xã Đ Th, huyện T L, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).
- Ông Vũ Minh Đ, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn A Ch 1, xã L Ph, thành phố HY, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).
- Ông Đinh Quang T, sinh năm 1959. Địa chỉ: Thôn A Ch 1, xã L Ph, thành phố HY, tỉnh Hưng Yên (có mặt).
- Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1951. Địa chỉ: Thôn A Ch 1, xã L Ph, thành phố HY, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).
- Ông Mai Văn B, sinh năm 1958. Địa chỉ: Thôn A Ch 1, xã L Ph, thành phố HY, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).
- Ông Mai Văn B1, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn A Ch 2, xã L Ph, thành phố HY, tỉnh Hưng Yên (có mặt).
- Ông Lều Văn Ch, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn A Ch 1, xã L Ph, thành phố HY, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).
- Ông Bùi Chí S, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn Đ Ch, xã L Ph, thành phố HY, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).
- Ông Mai Văn Th, sinh năm 1954. Địa chỉ: Thôn A Ch 2, xã L Ph, thành phố HY, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).
- Ông Đỗ Xuân Tr, sinh năm 1952. Địa chỉ: Thôn A Ch 2, xã L Ph, thành phố HY, tỉnh Hưng Yên (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố về các hành vi phạm tội như sau:

1. Hành vi Lạm quyền trong khi thi hành công vụ.

Năm 1999, Ủy ban Nhân dân (UBND) xã L Ph trình UBND huyện T L, UBND tỉnh Hưng Yên xin phê duyệt chuyển quyền và mục đích sử dụng đất, từ đất chuyên dùng sang làm nhà ở cho 82 hộ dân.

Tại Quyết định số 1419/QĐ-UB ngày 31/7/2000 và 1464/QĐ-UB 07/8/2000, UBND tỉnh Hưng Yên đồng ý cho phép xã L Ph chuyển quyền và mục đích sử dụng 19.428 m² đất, để bán mặt bằng cho 82 hộ dân làm nhà ở theo phương thức bán đấu giá, trong đó 12.048 m² làm nhà ở và 7.380 m² làm đường đi, vị trí cấp đất tại Thửa 01, tờ Bản đồ số 06 (khu vực đường Đàm Sen B), giao Sở Tài chính hướng dẫn UBND xã L Ph tổ chức bán đấu giá cho các hộ đủ tiêu chuẩn giãn dân.

Sau khi có quyết định, ngày 01/12/2000 Vũ Xuân Q là Chủ tịch xã L Ph đã tổ chức cuộc họp mở rộng gồm 09 thành viên UBND và Đảng ủy xã. Nội dung xét duyệt đơn xin cấp đất của dân, Q đã thông qua khoảng 200 đơn, trong đó 138 đơn được duyệt cấp đất (*Sổ nghị quyết của xã thể hiện*). Điều kiện xét cấp đất là gia đình đông con, các con đến tuổi trưởng thành, diện tích đất đang ở chật

hẹp, ưu tiên gia đình chính sách...*(điều kiện cấp đất dựa vào những lần cấp đất trước 1993, 1996...thực tế không có văn bản nào quy định)*.

Ngày 11/12/2000, UBND xã L Ph tổ chức cuộc họp xác định khung giá đất đối với diện tích đất tại Đàm Sen B theo hai Quyết định của UBND tỉnh, thành phần gồm: Phòng Tài nguyên Môi trường, Phòng Tài chính, Chi Cục thuế huyện T L và UBND xã L Ph *(số Nghị quyết của xã thể hiện, nhưng không ghi rõ họ tên cán bộ tham gia)*. Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không thu được hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc định giá và phê duyệt khung giá đất của cấp có thẩm quyền.

Khi thực hiện cấp đất, Q đã không thực hiện đúng Quyết định của UBND tỉnh, không tổ chức đấu giá mà cấp đất theo hình thức giao đất có thu tiền, với số tiền từ 06 đến 11 triệu đồng/suất, tùy theo vị trí đất. Ngoài vị trí đất thuộc tờ Bản đồ số 06 (khu Đàm Sen B) theo Quyết định của UBND tỉnh, Q đã lạm quyền cấp hơn so với Quyết định là 65 suất đất tại các khu vực gồm đường Dựng, đường Ma, thôn Đông Chiêu, đường Bãi...thuộc các tờ Bản đồ số 04, 05, 07, 08, 09 xã L Ph, ngoài Quyết định của UBND tỉnh.

Ngày 24/6/2001, Q ký Tờ trình số 36/TT-UB và danh sách, đề nghị UBND huyện T L giao đất cho 162 hộ dân tại thôn An Chiêu, xã L Ph làm nhà ở với tổng diện tích là 19.640 m². Tuy nhiên, kết quả xác minh hồ sơ địa chính, ghi lời khai thực tế người có tên trong Danh sách 162 hộ gia đình, thì chỉ có 149 suất đất *(13 suất trong danh sách thực tế không có đất, ghi lời khai những trường hợp này đều xác định năm 2000-2001 không được cấp đất)*, vị trí đất cấp cụ thể:

Trong 84 suất đất được cấp tại tờ Bản đồ 06 (*Đàm Sen B*), chỉ có 04 hộ đúng Quyết định của UBND tỉnh, 01 suất đất có tên trong danh sách cấp đất và sổ mục kê năm 2002, nhưng hiện không xác định được diện tích và vị trí đất. Số tiền UBND xã thu là 6 triệu đồng/suất, số tiền đã thu là 498 triệu đồng. Kết quả định giá ngày 18/9/2016, thì 83 suất đất tại thời điểm tháng 06/2001 là 624.350.700đ. Như vậy, số tiền UBND xã đã thu ít hơn so với kết quả định giá là 126.350.700đ.

* Đối với 65 suất đất Q cấp ngoài Quyết định của UBND tỉnh, cụ thể: 05 suất tại Tờ Bản đồ (TBĐ) số 06 (*Đàm Sen A*); 11 suất cấp tại TBĐ số 09 (thôn Đ Ch); 06 suất cấp tại TBĐ số 08 (đường Bãi); 32 suất cấp tại TBĐ số 07, 04(đường Dựng); 10 suất cấp tại TBĐ số 05(đường Ma; khu Vườn thầu và đường Trục xã); 01 suất cấp tại TBĐ số 04(đường Trục xã). Căn cứ vào lời khai người được cấp đất, phiếu nộp tiền và áp dụng tình tiết có lợi cho Q, Cơ quan điều tra xác định: Tổng số tiền người dân đã nộp 65 suất đất cấp ngoài Quyết định là: 747.718.000 đồng. Kết quả định giá ngày 05/02/2016, 64 suất đất tại thời điểm Q I/2001 là: 1.143.870.000 đồng. Như vậy, số tiền UBND xã L Ph đã thu ít hơn định giá là 396.152.000 đồng.

Ngày 26/6/2003, UBND huyện T L đã ra Quyết định số 449B/2003/QĐ-UB, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho 3321 chủ hộ tại xã L Ph (cấp mới là 564 hộ, cấp đôi là 2757 hộ), trong đó có cả những diện tích do Vũ Xuân Q lạm quyền cấp năm 2001 nêu trên.

Như vậy, trong số 82 suất đất trong Quyết định của UBND tỉnh, Vũ Xuân Q đã lạm quyền cấp sai đối tượng 78 suất, cấp thêm 67 suất đất. Trong đó tại Tờ Bản đồ 06 (*Đàm Sen B*), Q cấp 84 suất (hơn 02 suất theo quyết định), và ngoài

Tờ Bản đồ 06 đã lạm quyền cấp 65 suất đất. Tổng số tiền UBND xã L Ph đã thu khi cấp đất 83 suất đất tại Đầm Sen B, 65 suất đất cấp ngoài Quyết định của UBND tỉnh chênh lệch ít hơn so với kết quả định giá là 522.502.700 đồng. Hành vi lạm quyền của Q gây thiệt hại cho ngân sách tỉnh là 522.502.700 đồng.

- Vũ Xuân Q khai: Xuất phát từ nhu cầu của người dân, Q đã báo cáo với ông Đoàn Mạnh Tr, khi đó là chủ tịch UBND huyện T Lxin cấp thêm đất tại một số vị trí là thùng ao, khu đất xen kẹt trong xã (*báo cáo miệng, không có văn bản*). Sau khi được ông Tranh đồng ý (*đồng ý miệng, không có văn bản*), Q đã chỉ đạo ông Qu lập danh sách và cấp đất cho những hộ dân trong số đơn còn lại không được duyệt tại cuộc họp ngày 01/12/2000. Tuy nhiên, ông Tranh không thừa nhận được Q báo cáo việc cấp thêm đất ngoài quyết định của UBND tỉnh, không biết việc Q cấp đất ngoài quyết định, kết quả điều tra cũng không làm rõ được sự việc trên. Do vậy, không có căn cứ để xử lý hình sự đối với ông Đoàn Mạnh Tr.

- Đối với: Nguyễn Tiến D, Đỗ Xuân Tr, Mai Đức Th, Mai Văn B, Mai Văn B1, Lều Văn Ch, Đinh Quang T, Vũ Minh Đ, Bùi Chí S đều thừa nhận có tham gia cuộc họp xét cấp đất trên. Viện kiểm sát tỉnh Hưng Yên đã có: Công văn số 160 ngày 08/3/2016, yêu cầu cơ quan An ninh điều tra tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý; Công văn số 163 ngày 09/3/2017 đề nghị UBND thành phố HY tiến hành rà soát, khắc phục hậu quả của việc giao đất sai thẩm quyền và cấp giấy CNQSD chưa đúng quy định của pháp luật.

2. Hành vi Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản.

Khi cấp đất ngoài Quyết định của UBND tỉnh, Q đã chỉ đạo ông Lều Ngọc Qu, cán bộ địa chính cấp 01 suất đất cho trường hợp không có thật mang tên Vũ Minh Q, tại đường Dựng, thuộc Tờ Bản đồ 07, Thửa 204 + 207, diện tích 120m² nhằm mục đích chiếm đoạt (*thực tế xã L Ph không có ai là Vũ Minh Q*). Ngày 24/06/2001, Q ký Tờ trình số 36/TT-UB kèm danh sách, đề nghị huyện T L giao đất cho 162 hộ dân tại L Ph làm nhà ở là 19.640 m², trong đó thửa đất 204 + 207 được đề nghị giao cho chủ sử dụng là Vũ Minh Q.

Ngày 20/9/2001, UBND huyện T L ra Quyết định số 221/QĐ-UB, giao đất làm nhà ở cho các hộ gia đình thuộc xã L Ph. Thực hiện Quyết định số 1316/QĐ-UB ngày 12/6/2002 của UBND tỉnh Hưng Yên, về việc đo đạc, cấp mới, cấp đổi toàn bộ giấy CNQSDĐ. Trên cơ sở kết quả đo đạc ngày 26/6/2003, UBND huyện T L đã ra Quyết định số 449B/2003/QĐ-UB cấp giấy CNQSDĐ cho 3321 chủ hộ tại xã L Ph (*cấp mới là 564 hộ, cấp đổi là 2757 hộ*) đủ điều kiện. Hiện không thu giữ được danh sách 3321 chủ hộ, căn cứ Sổ mục kê năm 2002, Sổ danh sách các hộ gia đình đủ điều kiện, lời khai của Vũ Xuân Q và những người liên quan, xác định: Thửa đất 204 + 207, diện tích 120m², Tờ Bản đồ 07, khu đường Dựng được cấp GCNQSDĐ tên Vũ Minh Q. Phòng Địa chính huyện T L giao UBND xã L Ph lập sổ cấp để theo dõi, quản lý. Theo quy định nội dung Sổ cấp phải trùng khớp với Sổ mục kê năm 2002, Danh sách, Sổ danh sách đã được duyệt. Tuy nhiên, Q đã chỉ đạo ông Qu chỉnh tên trong Sổ cấp giấy CNQSDĐ, chủ sử dụng từ Vũ Minh Q thành Vũ Xuân Q, số vào sổ 00880 nhằm mục đích chiếm đoạt thửa đất trên (*bị cáo Q khai nhận năm 2003 không được cấp giấy CNQSDĐ đối với thửa đất này, kết quả xác minh, không thu được giấy CNQSDĐ mang tên Vũ Minh Q hoặc Vũ Xuân Q để cấp ngày 26/6/2003 đối với*

thửa đất này). Năm 2011, Vũ Xuân Q báo mất giấy CNQSDĐ, đề nghị UBND thành phố HY cấp lại. Hà Văn Tiệp là cán bộ địa chính xã kiểm tra sổ mục kê, sổ cấp giấy CNQSDĐ thấy Vũ Xuân Q đứng tên phù hợp, nên đã hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét cấp lại. Ngày 30/3/2012, UBND thành phố HY, đã cấp giấy CNQSDĐ mang tên Vũ Xuân Q và Hoàng Thị M(vợ) đối với thửa đất trên. Ngày 14/9/2014, vợ chồng Q đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đào Thu Th giá là 850 triệu đồng. Ông Th sau đó đã được cấp mới giấy CNQSDĐ ngày 21/11/2014.

Kết quả định giá ngày 26/8/2015, giá trị thửa đất Q chiếm đoạt thời điểm tháng 03/2012 là 830.925.000đ.

- Đối với Hà Văn Tiệp, cán bộ địa chính xã, do không biết Q gian dối, đã đề nghị xử lý theo quy định.

- Ngày 17/3/2015, gia đình Q đã nộp 850 triệu đồng. Ngày 01/02/2016, ông Đào Thu Th đã nhận lại 850 triệu đồng.

- 01 giấy CNQSDĐ mang tên Vũ Văn Th, xác định diện tích đất trên không có ngoài thực tiễn, đã đề nghị UBND TP Hưng Yên xử lý theo quy định. -

Đối với 16 giấy CNQSDĐ còn lại, thu giữ khi khám xét chỗ ở của Vũ Xuân Q, kết quả điều tra không có căn cứ xác định nguồn gốc đất bất minh, cũng như bất minh về số tiền mua đất, do vậy đã trả lại cho chủ sở hữu.

- 01 Tờ trình số 79/TT-UB ngày 06/2/2003 kèm theo danh sách không liên quan đã trả lại bị cáo; 01 sổ danh sách đất đã bàn giao lại cho UBND xã L Ph.

Tại Bản cáo trạng số 16/QĐ-VKS - P1 ngày 09/3/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố Vũ Xuân Q về các tội: Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản và Lạm quyền trong khi thi hành công vụ, theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 280 và điểm c, khoản 2, Điều 282 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố về hành vi phạm tội của bị cáo theo nội dung bản cáo trạng; đồng thời đề nghị áp dụng: Điểm a, khoản 4, Điều 280; điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội khóa 13; Khoản 3 Điều 7, điểm a khoản 3 Điều 355 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Vũ Xuân Q từ 07 năm đến 08 năm tù về tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản; Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 282; điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội khóa 13; Khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 357 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Vũ Xuân Q từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội Lạm quyền trong khi thi hành công vụ; Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999. Buộc bị cáo Vũ Xuân Q phải chịu hình phạt chung cho cả hai tội từ 09 năm 06 tháng đến 11 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Đối với việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bị cáo Q cùng vợ với ông Th và bà H, tại phiên tòa ông Đào Thu Th có quan điểm sau này sẽ khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; kiến nghị UBND thành phố HY ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất cấp cho ông Th và bà H; Về biện pháp tư pháp và hình phạt bổ sung đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Luật sư Bùi Đình Sơn bào chữa cho bị cáo Vũ Xuân Q có quan điểm: Không đồng ý Cáo trạng truy tố bị cáo Q về các tội: “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản và Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”, theo điểm a khoản 4 Điều 280 và điểm c khoản 2 Điều 282 Bộ luật hình sự, bởi các căn cứ sau:

Đối với tội Lạm quyền trong khi thi hành công vụ: Thời điểm bị cáo Q lạm quyền là từ khoảng thời gian từ ngày 01/12/2000, bị cáo tổ chức cuộc họp mở rộng của Đảng ủy và UBND xã L Ph về việc xét duyệt đơn xin cấp đất của dân, đến ngày 24/6/2001 bị cáo ký Tờ trình số 36/TT-UB đề nghị UBND huyện T L giao đất cho 162 hộ dân, đến khi cơ quan điều tra khởi tố vụ án, khởi tố bị can đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điều 23 Bộ luật hình sự.

Đối với tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản: Thời điểm bị cáo có hành vi gian dối chiếm đoạt từ năm 2002, khi đó bị cáo đã có tên trong sổ mục kê, đến năm 2003 bị cáo đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất, thời điểm tội phạm hoàn thành là từ năm 2003, khi đó giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt theo kết quả định giá là 77 triệu đồng. Như vậy, bị cáo Q chỉ phạm tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản theo điểm đ khoản 2 Điều 280 Bộ luật hình sự năm 1999, đối chiếu với quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015, thì bị cáo chỉ bị xử theo khoản 1 điều 355 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Luật sư nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Bị cáo có nhiều thành tích trong công tác, được tặng thưởng nhiều bằng khen, tham gia kháng chiến bị chất độc hóa học, có nhiều huân, huy chương, khắc phục hậu quả giao nộp số tiền 850 triệu đồng. Đề nghị HĐXX áp dụng điều 180 Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ giải quyết vụ án đối với tội Lạm quyền trong khi thi hành công vụ; áp dụng khoản 1 điều 355 Bộ luật hình sự năm 2015, điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Q mức dưới khung hình phạt; Về trách nhiệm dân sự, đề nghị tịch thu số tiền 850 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo Vũ Xuân Q thành khẩn nhận tội, ăn lăn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình, đề nghị xử mức án thấp nhất để sớm trở với gia đình và xã hội vì tuổi đã cao, sức khỏe yếu. Ngoài ra bị cáo còn có quan điểm không nhất trí bồi thường tiền chênh lệch bán đất cho ông Đào Thu Th.

Đại diện UBND xã L Ph là ông Đình Quang T tỏ quan điểm: Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, Đảng ủy và UBND xã L Ph cũng có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, thời điểm bị cáo phạm tội cũng là do bối cảnh lịch sử, trong thời gian công tác bị cáo có nhiều thành tích và đóng góp cho địa phương.

Ông Đào Thu Th có quan điểm; Đề nghị bị cáo Q phải bồi thường tiền chênh lệch đất cho vợ chồng ông, vì giá đất hiện nay khoảng 1,4 tỷ đồng. Nếu bị cáo Q không đồng ý bồi thường thì ông không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, sau này ông sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

Anh Vũ Xuân L có quan điểm: Số tiền 850 triệu đồng mà anh giao nộp là tiền của bố mẹ anh ủy quyền cho anh nộp thay, anh cũng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bố anh.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, khách quan các chứng cứ của vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Luật sư, lời khai bị cáo, những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

I - Về thủ tục tố tụng: Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự trong việc khởi tố, truy tố đối với bị cáo Vũ Xuân Q.

II - Về Tội danh, điểm, khoản, điều luật:

1. Về hành vi Lạm quyền trong khi thi hành công vụ:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa Vũ Xuân Q thành khẩn nhận tội. Cụ thể, trong khoảng thời gian từ năm 2000 đến 2003 với chức vụ là Chủ tịch UBND xã L Ph, khi thực hiện Quyết định số 1419/QĐ-UB ngày 31/7/2000 và 1464/QĐ-UB ngày 07/8/2000 của UBND tỉnh Hưng Yên, nội dung chuyển quyền và mục đích sử dụng 19.428m² đất để bán mặt bằng cho 82 hộ dân làm nhà ở theo hình thức bán đấu giá, tại Thửa số 01, Tờ Bản đồ số 06 (khu vực Đầm Sen B), xã L Ph, huyện T L (nay là thành phố HY). Tuy nhiên, khi thực hiện cấp đất, Vũ Xuân Q đã không thực hiện đúng theo nội dung của UBND tỉnh, không tổ chức đấu giá mà cấp đất theo hình thức giao đất có thu tiền, với số tiền từ 06 đến 11 triệu đồng/suất, tùy theo từng vị trí đất. Ngoài vị trí đất thuộc Tờ Bản đồ số 06 (khu Đầm Sen B) theo Quyết định của UBND tỉnh, Q đã lạm quyền cấp nhiều hơn so với Quyết định là 66 suất đất, trong đó 01 suất tại Đầm Sen B và 65 suất tại các khu vực đường Dựng, đường Ma, thôn Đông Chiêu, đường Bãi...thuộc các Tờ Bản đồ số 04, 05, 07, 08 và 09 của xã L Ph ngoài Quyết định của UBND tỉnh, việc này đã gây thiệt hại cho ngân sách tỉnh với số tiền là 522.502.700 đồng. Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ như: Lời khai của những người làm chứng; Lời khai của các thành viên UBND xã và các Đảng ủy viên xã L Ph thời điểm năm 2000-2001; Lời khai ông Đoàn Mạnh Tr, nguyên Chủ tịch UBND huyện T L; Lời khai của các hộ gia đình được xét duyệt cấp đất giãn dân năm 2001; Các Quyết định số 1419 và 1464 năm 2000 của UBND tỉnh Hưng Yên; Tờ trình số 36/TT-UB ngày 24/6/2001 kèm theo danh sách của UBND xã L Ph; Sổ mục kê, Sổ đăng ký quyền sử dụng đất của xã L Ph; Biên bản định giá; Cung cấp của các đơn vị chuyên môn có liên quan của huyện T L và thành phố HY.

Căn cứ vào thời điểm Vũ Xuân Q có Tờ trình kèm Danh sách 162 hộ năm 2001, thời điểm này Q đã lạm quyền thu tiền của các hộ có nhu cầu xin cấp đất tại các khu vực ngoài Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên, cũng như cấp vượt mức số hộ đã trình được UBND tỉnh phê duyệt là 82 hộ. Do vậy, tại thời điểm năm 2001, hành vi phạm tội của bị cáo Q đã hoàn thành.

Bị cáo Vũ Xuân Q là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của Q đủ dấu hiệu cấu thành tội Lạm quyền trong khi thi hành công vụ theo Điều 282 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Q đã gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước số

tiền là 522.502.700 đồng vào thời điểm năm 2001, phạm tội rất nghiêm trọng, theo Điều 23 Bộ luật Hình sự thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là 15 năm, được tính từ ngày tội phạm thực hiện, ngày 23/6/2015 và ngày 13/10/2016 Cơ quan Điều tra ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Q. Tuy nhiên, trong thời hạn này, ngày 11/3/2015 Q phạm tội Đánh bạc quy định mức cao nhất của khung hình phạt trên một năm tù. Vì vậy, thời gian đã qua không được tính vào thời hiệu đối với tội cũ và được tính lại kể từ ngày phạm tội mới, việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can với Q là đúng pháp luật. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố Vũ Xuân Q về tội Lạm quyền trong khi thi hành công vụ, theo điểm c khoản 2 Điều 282 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xét quan điểm của Luật sư, xét thấy: Chính Luật sư và Bị cáo xác định có tội nhưng cho rằng đến khi cơ quan điều tra khởi tố vụ án, khởi tố bị can thì đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là không có cơ sở, bởi: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Q theo điểm c khoản 2 Điều 282 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 05 năm đến 12 năm thuộc tội phạm rất nghiêm trọng, tính đến thời điểm 11/3/2015 chưa hết hạn 15 năm nhưng Q lại phạm tội mới, nên thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội cũ được tính lại từ đầu theo khoản 3 Điều 23 Bộ luật Hình sự như nhận định trên. Do vậy, không có căn cứ đình chỉ giải quyết vụ án đối với tội Lạm quyền trong khi thi hành công vụ theo quan điểm của Luật sư.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Q khai: Sau khi tổ chức cuộc họp xét đơn xin cấp đất của người dân ngày 01/12/2000, Q đã báo cáo miệng với ông Đoàn Mạnh Tr, khi đó là Chủ tịch UBND huyện T Lxin cấp thêm đất tại một số vị trí là thung ao tại các khu đất xen kẹp trong xã, được ông Tranh đồng ý bằng miệng (*không có văn bản*) đã chỉ đạo ông Qu lập danh sách và cấp đất cho những hộ dân trong số đơn còn lại không được duyệt tại cuộc họp ngày 01/12/2000. Căn cứ lời khai của ông Tranh trình bày không được bị cáo Q báo cáo việc cấp đất thêm ngoài Quyết định của UBND tỉnh, không biết bị cáo cấp đất ngoài Quyết định, nội dung này Cơ quan điều tra đã tiến hành cho đối chất giữa Q và ông Tranh nhưng không có căn cứ để làm rõ. Ngoài ra Q còn xác định: Tại cuộc họp ngày 01/12/2000 do Q chủ trì đã thông qua số, ngày, tháng, năm của Quyết định cấp đất, vị trí cấp đất, số hộ và cấp đất theo hình thức đấu giá. Ngày 11/12/2000, UBND xã đã tổ chức cuộc họp định khung giá đất đối với diện tích đất theo quyết định của UBND tỉnh, khi có quyết định duyệt giá của UBND huyện, bị cáo đã hội ý Thường vụ Đảng ủy xã, thống nhất số tiền thu tại Đầm Sen B là 6 triệu đồng/suất. Đến khi được ông Tranh đồng ý cho phép cấp thêm đất ở khu xen kẹp, thung vũng, bị cáo đã báo cáo, hội ý thường vụ xã và thống nhất số tiền thu tại đường Dựng là 10 triệu đồng/suất; thôn Đông Chiêu là 7 triệu đồng/suất...Sau đó Q đã báo cáo việc cấp thêm đất (*ngoài quyết định*) tại cuộc họp Ban chấp hành Đảng ủy xã. Tuy nhiên, lời khai những người tham gia cuộc họp ngày 01/12/2000 gồm: ông Nguyễn Tiến Dựng, là Bí thư Đảng ủy xã, ông Đỗ Xuân Trường, là Thường vụ Đảng ủy xã, ông Mai Đức Th, là Phó Chủ tịch UBND xã; ông Mai Văn B, là Phó Chủ tịch HĐND xã, ông Mai Văn B1, là cán bộ tài chính xã; ông Lều Văn Ch, là cán bộ văn hóa xã; ông Đinh Quang T, là xã đội trưởng; ông Vũ Minh Đ, là Phó trưởng công an xã; ông Bùi Chí S, là Bí thư Đoàn thanh niên xã, đều khẳng định tại cuộc họp bị cáo Q không đọc Quyết định cấp đất của UBND tỉnh, nên không biết số, ngày, tháng, năm của

Quyết định, không biết số hộ được cấp, không biết hình thức cấp, tại cuộc họp bị cáo Q chỉ cho biết nội dung, xã được UBND huyện và cấp trên cho cấp đất giãn dân của người dân, sau đó bị cáo Q thông qua khoảng hơn 200 đơn xin cấp đất của người dân và 138 đơn được duyệt. Sau cuộc họp xét duyệt đơn, việc bị cáo Q chỉ đạo cấp đất thế nào những người này không biết, không được bị cáo Q thông báo việc cấp đất ngoài Quyết định của UBND tỉnh. Trên cơ sở lời khai của Q và những người liên quan, các văn bản đối chất giữa bị cáo Q với những người này nhưng không làm rõ được vấn đề này. Cũng tại lời khai ông Nguyễn Tiến Dũng và ông Đỗ Xuân Trường nguyên là thường vụ Đảng ủy xã L Ph năm 2000-2001 khẳng định: Không được bị cáo Q báo cáo, hội ý việc cấp đất ngoài quyết định, căn cứ sổ ghi chép của ông Trường thể hiện nhiều cuộc hội ý thường vụ nhưng không có nội dung hội ý liên quan đến việc cấp đất năm 2000-2001, nội dung này cũng được Q đối chất với ông Trường nhưng bị cáo không làm rõ được. Về vấn đề này, xét thấy việc cấp đất diễn ra từ năm 2000-2001, nếu tính thời điểm xảy ra hành vi lạm quyền từ 01/12/2000, ngày họp xét đơn xin cấp đất hoặc ngày 24/6/2001, ngày UBND xã L Ph ký Tờ trình số 36/TT-UB đề nghị UBND huyện T L giao đất đến khi cơ quan Công an phát hiện tháng 10/2016 đã quá thời hiệu là 15 năm, thiệt hại về tài sản của nhà nước do hành vi lạm quyền khi thực hiện việc cấp đất gây ra là 512.990.700đ. Theo quy định của Bộ luật Hình sự, tính đến tháng 10/2016 đã quá 15 năm, hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Do vậy, những người tham gia họp xét duyệt đơn xin cấp ngày 01/12/2000, nếu có đồng phạm cấp đất trái thẩm quyền thì không bị truy cứu trách nhiệm hình sự do hết thời hiệu. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý những người này là đúng pháp luật.

2. Về hành vi Lạm dụng chức vụ, chiếm đoạt tài sản:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa Vũ Xuân Q thành khẩn nhận tội. Cụ thể, khi cấp đất ngoài Quyết định của UBND tỉnh, Q đã chỉ đạo ông Lều Ngọc Qu, cán bộ địa chính(*đã chết 2010*) cấp 01 suất đất cho trường hợp không có thật mang tên Vũ Minh Q, tại đường Dũng, thuộc Tờ Bản đồ 07, Thửa 204 + 207, diện tích 120 m² nhằm mục đích chiếm đoạt. Khi Q ký Tờ trình số 36/TT-UB ngày 24/06/2001 đề nghị UBND huyện T L giao đất cho 162 hộ dân, trong đó có Thửa đất 204 + 207 này và được đề nghị giao cho chủ sử dụng là Vũ Minh Q, địa chỉ thôn An Chiêu, xã L Ph, ngày 26/6/2003 huyện T L đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) thửa đất này và mang tên Vũ Xuân Q. Sau đó, Q tiếp tục chỉ đạo ông Qu chỉnh tên trong Sổ cấp giấy GCNQSDĐ từ Vũ Minh Q thành Vũ Xuân Q. Đến năm 2011, Q báo mất Giấy chứng nhận, làm các thủ tục và đề nghị cấp lại. Ngày 30/3/2012, UBND thành phố HY đã cấp GCNQSDĐ mang tên Vũ Xuân Q và Hoàng Thị M (vợ) đối với thửa đất trên. Sau đó, ngày 14/9/2014, Q đã chuyển nhượng diện tích đất trên cho vợ chồng ông Đào Thu Th, giá tiền 850 triệu đồng, vợ chồng ông Th đã được cấp GCNQSDĐ ngày 21/11/2014.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ như: Lời khai của anh Hà Văn Tiệp, là cán bộ địa chính và ông Vũ Minh Đ, Phó chủ tịch xã L Ph; Tờ trình số 36/TT-UB ngày 24/6/2001 kèm theo Danh sách, Sổ mục kê, Sổ đăng ký, Sổ cấp GCNQSDĐ, Bản đồ địa chính của UBND xã L Ph; Cung cấp của Văn phòng đăng ký QSDĐ thành phố HY; GCNQSDĐ

năm 2012 của UBND thành phố HY đã cấp đất mang tên Vũ Xuân Q và Hoàng Thị M; Hợp đồng chuyển nhượng đất vợ chồng Q với vợ chồng ông Th năm 2014; Biên bản định giá đất thời điểm 2012....và các chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Hành vi của Vũ Xuân Q đủ dấu hiệu cấu thành tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản, theo Điều 280 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã lợi dụng chức vụ thời điểm là Chủ tịch UBND xã L Ph lập danh sách, lập hồ sơ cấp đất cho một đối tượng không có thật, sau đó để một thời gian dài hoàn thiện các thủ tục chiếm đoạt được thửa đất này, khi đất đã thuộc quyền sử dụng của mình Q chuyển nhượng được số tiền là 850 triệu đồng, thời điểm chiếm đoạt tài sản là năm 2012, sau khi vợ chồng Q được cấp GCNQSDĐ và giá trị đất là 830 triệu đồng. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố Vũ Xuân Q về tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 280 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét quan điểm của Luật sư, xét thấy: Về thời điểm tội phạm hoàn thành được xác định vào năm 2012 như nhận định trên, tại phiên tòa Q cũng khẳng định phải có GCNQSDĐ thì mới đủ điều kiện để chuyển nhượng, sau đó Q mới chuyển nhượng cho vợ chồng ông Th và bà H để thu về số tiền 850 triệu đồng. Như vậy, quyền sử dụng diện tích 120m², tại đường Dưng được Nhà nước công nhận cho vợ chồng Q vào năm 2012, lúc này mới thuộc tài sản của vợ chồng Q. Xét về mặt chủ quan của Q, thời điểm trước năm 2012 bản thân Q cũng xác định diện tích đất này chưa thuộc quyền sử dụng của mình, vì thời điểm từ năm 2001 đến năm 2003, Q cùng ông Lều Ngọc Qu thực hiện hành vi gian dối kê khai người mang tên Vũ Minh Q, sau đó chỉnh sửa tên trong sổ cấp GCNQSDĐ từ Vũ Minh Q thành Vũ Xuân Q, lúc này quyền sử dụng đất chưa thuộc về Q, các thủ tục chuyển từ người mang tên Quyền sang tên Q chưa có sự minh bạch, chưa hợp pháp nên Q chưa thể chiếm đoạt để có thể chuyển nhượng, tặng cho hay thừa kế được, lời khai của Q tại cơ quan điều tra cũng xác định GCNQSDĐ do ông Lều Ngọc Qu giữ, trong khi đó căn cứ để cấp là Sổ mục kê, Sổ danh sách các hộ đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ vẫn đứng tên Vũ Minh Q. Chỉ sau khi ông Qu chết, thấy thuận lợi cho việc chiếm đoạt, Q mới tiến hành thông báo mất GCNQSDĐ, xin cấp lại và các thủ tục làm đều không được minh bạch như lời khai của những người liên quan thể hiện trong hồ sơ vụ án. Mặc dù tại phiên tòa, bị cáo khai xác định được cấp GCNQSDĐ từ năm 2003, tuy nhiên căn cứ vào lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các chứng cứ khác thì không có cơ sở chứng minh Q được cấp GCNQSDĐ năm 2003 cho thửa đất này. Do vậy, quan điểm của Luật sư cho rằng, thời điểm tội phạm được hoàn thành từ năm 2003, giá trị tài sản (đất) là 77 triệu đồng là không có căn cứ. Đủ căn cứ xác định Q phạm tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản được hoàn thành năm 2012 như đã nhận định trên. Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của Luật sư.

Đối với bà Hoàng Thị M (vợ bị cáo) đứng tên trong GCNQSDĐ, sau đó ký trong hợp đồng chuyển nhượng cho vợ chồng ông Th, nhưng không biết Q lạm dụng chức vụ để chiếm đoạt tài sản, nên không đồng phạm với Q. Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Đối với anh Hà Văn Tiệp, là cán bộ địa chính và ông Vũ Minh Đ, Phó chủ tịch xã L Ph không biết việc làm gian dối của Q, không được hưởng lợi gì, anh Tiệp đã có đơn tố cáo hành vi của Q. Do vậy, Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Đối với các cán bộ Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất thành phố HY, thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Q và bà M, tại Thửa số 204 + 207 trên cơ sở trình của UBND xã L Ph không có vụ lợi gì, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là chính xác.

Xét bị cáo Vũ Xuân Q đã phạm vào hai tội về chức vụ thuộc tội phạm tham nhũng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của Nhà nước gây hậu quả rất nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến uy tín của Nhà nước, làm thất thoát, thiệt hại ngân sách của địa phương với giá trị thiệt hại về tài sản lớn, với động cơ vụ lợi bị cáo còn chiếm đoạt tài sản của Nhà nước thành của riêng. Hành vi phạm tội của bị cáo còn làm giảm lòng tin của nhân dân đến cán bộ, công chức trong khi thực hành công vụ được giao, đồng thời còn gây mất trật tự trị an, xã hội, coi thường pháp luật, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân tại địa phương. Vì vậy, cần phải xét xử nghiêm minh, giành cho bị cáo mức hình phạt thỏa đáng, phù hợp với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đồng thời cần cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và làm bài học răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xét: Tại thời điểm phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự là cán bộ công chức Nhà nước; Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo nhận thức được sai phạm của bản thân, thời điểm phạm tội đất chưa có giá trị lớn, khai báo thành khẩn, ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình, đã trên 62 tuổi và sức khỏe yếu; Bị cáo ủy quyền cho người thân tự nguyện khắc phục hậu quả giao nộp số tiền 850.000.000đ, đây là số tiền bán thửa đất tại đường Dựng; Có thời gian phục vụ trong quân đội, nhiễm chất độc hóa học được hưởng chế độ hàng tháng, sau khi về địa phương tham gia công tác nhiều năm làm cán bộ lãnh đạo và có nhiều cống hiến cho địa phương; Có nhiều thành tích, được tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương các loại, nhiều Bằng khen, Giấy khen của Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND thành phố và địa phương, Huy hiệu 30 năm tuổi đảng. Đảng ủy và UBND xã L Ph có văn bản xác định việc cấp đất giãn dân thu tiền từ 2001 đến nay, tình hình an ninh, trật tự xã hội ổn định, không có khiếu kiện gì và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, Q được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm p, s khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với tội Lạm quyền trong khi thi hành công vụ; Đối với tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết có lợi cho bị cáo, cụ thể: Hành vi Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản trị giá 830.925.000đồng của Q theo điểm a khoản 3 Điều 355 Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt tù từ 13 năm đến 20 năm, nhẹ hơn so với điểm a khoản 4 Điều 280 Bộ luật Hình sự năm 1999, khung hình phạt tù từ 20 năm hoặc chung thân; Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt tù

từ 05 năm đến 10 năm, nhẹ hơn hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 282 Bộ luật Hình sự năm 1999. Do vậy, cần áp dụng điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội khóa 13, áp dụng quy định có lợi cho bị cáo của Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt. Bản thân Q có nhiều năm tham gia quân ngũ, công tác tại UBND xã L Ph và được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 cho cả hai tội để xử phạt dưới khung hình phạt đối với bị cáo, thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

3. Về hình phạt bổ sung:

Do Q đã nộp lại toàn bộ số tiền được hưởng lợi, bản thân đã lớn tuổi, bị nhiễm chất độc hóa học và được hưởng chế độ hàng tháng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả hai tội.

4. Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Vũ Xuân Q, lạm quyền trong khi thi hành công vụ gây thiệt hại cho Ngân sách tỉnh tổng số tiền là 522.502.700đồng, số tiền thiệt hại trên bị cáo không chiếm dụng để hưởng lợi cá nhân, nên không buộc bị cáo Q phải bồi thường khoản tiền này cho ngân sách Nhà nước.

Đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (HĐCNQSDĐ) giữa vợ chồng Q với vợ chồng ông Th và bà H, xét thấy: Bị cáo Q cùng vợ chuyển nhượng thửa đất số 204+207, diện tích 120m² với giá là 850 triệu đồng năm 2014, ông Th và bà H đã giao tiền, làm các thủ tục và được cấp GCNQSDĐ vào tháng 11 năm 2014. Tuy nhiên, đối tượng chuyển nhượng là diện tích đất mà Q lợi dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản thuộc quyền quản lý của Nhà nước, hành vi của Q đã bị đưa ra xét xử tại phiên tòa. Do vậy, theo quy định của Bộ luật Dân sự thì HĐCNQSDĐ này vi phạm điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự. Ông Th đã nhận lại 850 triệu đồng tiền gốc do gia đình Q giao nộp, tại phiên tòa ông Th xác định giá trị diện tích đất hiện nay theo giá thị trường vào khoảng 1,4 tỷ đồng, yêu cầu Q phải bồi thường thiệt hại khoản tiền chênh lệch, trong khi đó Q không nhất trí bồi thường thiệt hại cho ông Th. Do vậy, đây là tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa, việc xem xét thiệt hại thực tế cần phải định giá đất tại thời điểm xét xử theo giá thị trường, trong khi kết quả định giá trong vụ án này từ năm 2014. Để đảm bảo quyền lợi của vợ chồng ông Th, tại phiên tòa ông Th đề nghị tách giải quyết tranh chấp HĐCNQSDĐ ra để giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác. Xét thấy, yêu cầu của ông Th là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Th, không xem xét về phần trách nhiệm dân sự liên quan đến HĐCNQSDĐ giữa vợ chồng bị cáo Q với vợ chồng ông Th, tách ra để giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

Xét quan điểm của Luật sư đề nghị tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền 850 triệu đồng, xét thấy: Đây là số tiền ông Th, bà H giao cho vợ chồng Q thông qua Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông Th đã nhận lại số tiền 850 triệu đồng do gia đình Q giao nộp, do vậy không có căn cứ chấp nhận qua điểm của luật sư.

5. Về biện pháp tư pháp:

Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Đối với Thửa đất số 207, Tờ Bản đồ số 16, Diện tích 120 m², tại thôn A Ch 2, xã L Ph, thành phố HY, tỉnh Hưng Yên hiện đứng tên ông Đào Thu Th và bà Tạ Thị H là tài sản của nhà nước do bị cáo Q chiếm đoạt, nay giao lại cho UBND xã L Ph, thành phố HY có trách nhiệm quản lý theo thẩm quyền.

Kiến nghị UBND thành phố HY ra Quyết định hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 580294 do UBND thành phố HY cấp ngày 21/11/2014 cho người sử dụng là ông Đào Thu Th và bà Tạ Thị H.

6. Về tổng hợp hình phạt của nhiều bản án: Theo văn bản số 329/BC-PC81B ngày 31/5/2017 của Trại tạm giam - Công an tỉnh Hưng Yên, bị cáo Vũ Xuân Q đã chấp hành xong hình phạt tù của bản án hình sự sơ thẩm số 75/2016/HSST ngày 30/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên. Do vậy, không tổng hợp hình phạt của nhiều bản án theo quy định tại điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Q.

Bị cáo Vũ Xuân Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Vũ Xuân Q phạm hai tội là: Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản và Lạm quyền trong khi thi hành công vụ.

2. Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 280; điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999. Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội khóa 13; khoản 3 Điều 7; điểm a khoản 3 Điều 355 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Xuân Q 07(bảy) năm tù về tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản.

3. Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 282; điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999. Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội khóa 13; khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 357 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Xuân Q 03 (ba) năm tù về tội Lạm quyền trong khi thi hành công vụ.

4. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội: Áp dụng khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Buộc bị cáo Vũ Xuân Q phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/6/2017.

5. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng điều 42 Bộ luật Hình sự 1999.

Chấp nhận sự tự nguyện của ông Đào Thu Th không yêu cầu giải quyết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Đào Thu Th và bà Tạ Thị H với bị cáo Vũ Xuân Q và bà Hoàng Thị M. Ông Th và bà H có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật.

6. Về biện pháp tư pháp:

Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Giao lại cho UBND xã L Ph, thành phố HY quản lý theo thẩm quyền đối với Thửa đất số 207, Tờ Bản đồ số 16, Diện tích 120m², tại thôn A Ch 2, xã L Ph, thành phố HY, tỉnh Hưng Yên.

Kiến nghị UBND thành phố HY, tỉnh Hưng Yên ra Quyết định hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 580294 do UBND thành phố HY cấp ngày 21/11/2014 cho người sử dụng là ông Đào Thu Th và bà Tạ Thị H.

7. Về án phí:

Bị cáo Vũ Xuân Q phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bản án sơ thẩm xét xử công khai có mặt bị cáo, người liên quan là ông Th, anh L, UBND xã L Ph. Đã báo cho những người có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho các người vắng mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan CSĐT- CA tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan hồ sơ NVCS-CA tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa hình sự;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đặng Đình Lực